

CÔNG TY CỔ PHẦN  
DU LỊCH – THƯƠNG MẠI  
TÂY NINH  
Số: 50/2023/TTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH**

**Mã chứng khoán: TTT**

**Địa chỉ trụ sở chính:** 1253 Cách mạng tháng 8, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

**Điện thoại:** 0276.3822376

**Website:** <http://tanitour.com.vn>

**Email:** [tanitour.tayninh@gmail.com](mailto:tanitour.tayninh@gmail.com)

**Người được ủy quyền CBTT: ông Phan Thanh Trung**

**Chức danh: Phó phòng HCNS**

**Loại thông tin công bố:**

Định kỳ  24h  Bất thường  Theo yêu cầu  Khác

**Nội dung thông tin công bố:**

1. Báo cáo tài chính riêng năm tài chính kết thúc 31/12/2022 (Đã được kiểm toán)
2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc 31/12/2022 (Đã được kiểm toán)

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 23/03/2023 tại đường dẫn <http://tanitour.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

Tây Ninh, ngày 23/03/2023

**Người được Ủy quyền Công bố thông tin**

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)





## Báo cáo Tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN  
DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022  
(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo Tài chính riêng đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán riêng	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	09-26

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh tiền thân là Công ty Du lịch Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh và được cổ phần hóa theo Quyết định số 328/QĐ-CT ngày 13/04/2006 và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/03/2006 về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty Du lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh.

Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244068 ngày 05 tháng 02 năm 2007 và giấy phép sửa đổi lần thứ 13 ngày 29 tháng 06 năm 2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Lâm Nhi Thùy	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21/06/2022
Ông Trịnh Văn Hà	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21/06/2022
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2022
Ông Võ Trần Chí Thịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2022
Ông Nguyễn Huy Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2022
Ông Phạm Hùng Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/06/2022

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Trần Thị Hiền	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/06/2022
------------------	---------------	--------------------------

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Quang	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 21/06/2022
Ông Bùi Minh Nam	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 21/06/2022
Ông Bùi Minh Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2022
Ông Lý Bình Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2022
Bà Bùi Thị Lâu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/06/2022

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai



- lịch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc**



**Trần Thị Hiền**  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 22 tháng 03 năm 2023

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh được lập ngày 22 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Đỗ Mạnh Cường**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0744-2023-002-1



**Nguyễn Phạm Hùng**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2893-2020-002-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2023

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>97.579.066.368</b>	<b>88.890.723.521</b>
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	10.767.075.261	19.201.815.095
111	1. Tiền		1.767.075.261	901.815.095
112	2. Các khoản tương đương tiền		9.000.000.000	18.300.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	11.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		73.008.879.396	68.972.976.782
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	4.235.076.110	1.009.672.738
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		479.819.725	433.432.810
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	67.000.000.000	67.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.293.983.561	529.871.234
140	IV. Hàng tồn kho	8	2.530.000.109	619.099.826
141	1. Hàng tồn kho		2.530.000.109	619.099.826
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		273.111.602	96.831.818
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	217.008.362	17.396.035
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	79.435.783
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	56.103.240	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>34.710.182.194</b>	<b>34.088.675.176</b>
220	I. Tài sản cố định		7.710.727.416	6.535.002.716
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	7.710.727.416	6.535.002.716
222	- Nguyên giá		23.022.964.966	18.964.394.141
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.312.237.550)	(12.429.391.425)
230	II. Bất động sản đầu tư	11	1.871.370.003	2.155.628.738
231	- Nguyên giá		4.246.520.993	4.246.520.993
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.375.150.990)	(2.090.892.255)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		27.053.946	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		27.053.946	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	5	24.931.910.430	24.931.910.430
251	1. Đầu tư vào công ty con		24.931.910.430	24.931.910.430
260	V. Tài sản dài hạn khác		169.120.399	466.133.292
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	169.120.399	466.133.292
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>132.289.248.562</b>	<b>122.979.398.697</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>16.286.758.953</b>	<b>12.513.256.417</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>16.186.758.953</b>	<b>12.413.256.417</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	8.082.593.404	8.502.632.862
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.600.517.934	268.179.657
314	3. Phải trả người lao động		4.715.695.741	1.951.622.688
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		404.982.824	142.666.500
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		11.818.181	227.727.279
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	358.322.444	1.307.599.006
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		12.828.425	12.828.425
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	100.000.000	100.000.000
<b>400</b>	<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>116.002.489.609</b>	<b>110.466.142.280</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>115.747.261.735</b>	<b>109.808.024.941</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		45.702.100.000	45.702.100.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		45.702.100.000	45.702.100.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		24.537.406.213	24.537.406.213
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		45.507.755.522	39.568.518.728
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		30.428.098.728	31.746.625.769
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		15.079.656.794	7.821.892.959
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>255.227.874</b>	<b>658.117.339</b>
431	1. Nguồn kinh phí	16	177.197	346.613.224
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		255.050.677	311.504.115
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>132.289.248.562</b>	<b>122.979.398.697</b>



Lê Văn Công  
Người lập



Trần Thị Phượng  
Kế toán trưởng



  
Trần Thị Hiền  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 22 tháng 03 năm 2023



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	94.719.166.678	36.196.665.738
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	1.212.633.345	761.953.135
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		93.506.533.333	35.434.712.603
11	4. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	78.284.918.414	30.106.955.111
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.221.614.919	5.327.757.492
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	8.797.425.700	9.466.654.825
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	22	1.445.729.751	1.586.522.553
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	6.121.565.971	5.713.030.220
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.451.744.897	7.494.859.544
31	11. Thu nhập khác	24	2.368.802.762	1.822.166.396
32	12. Chi phí khác	25	738.236.667	721.412.732
40	13. Lợi nhuận khác		1.630.566.095	1.100.753.664
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.082.310.992	8.595.613.208
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	3.002.654.198	773.720.249
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		15.079.656.794	7.821.892.959

Lê Văn Công  
Người lập

Trần Thị Phượng  
Kế toán trưởng




Trần Thị Hiền  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 22 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
Năm 2022  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	Lợi nhuận trước thuế		18.082.310.992	8.595.613.208
<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
02	Khấu hao tài sản cố định		3.110.651.422	3.502.894.820
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		-	(196.549.800)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(8.797.425.700)	(9.455.117.093)
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		12.395.536.714	2.446.841.135
09	(Tăng)/Giảm các khoản phải thu		(3.256.457.744)	83.002.163
10	Tăng hàng tồn kho		(1.910.900.283)	(250.624.419)
11	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		259.518.587	(9.136.014.653)
12	Giảm chi phí trả trước		97.400.566	170.278.917
15	Thuế TNDN đã nộp		(719.670.249)	(667.901.400)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		292.300.000	5.461.955.800
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(638.736.027)	(6.865.626.732)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		6.518.991.564	(8.758.089.189)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(2.874.624.771)	(800.000.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(25.000.000.000)	(67.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		14.000.000.000	79.800.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia		8.041.313.373	11.185.636.467
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(5.833.311.398)	23.185.636.467
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
36	1. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(9.120.420.000)	(9.101.280.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) hoạt động tài chính		(9.120.420.000)	(9.101.280.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(8.434.739.834)	5.326.267.278
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		19.201.815.095	13.875.547.817
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		10.767.075.261	19.201.815.095

  
Lê Văn Công  
Người lập

  
Trần Thị Phượng  
Kế toán trưởng

  
  
Trần Thị Hiền  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 22 tháng 03 năm 2023



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Năm 2022

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh tiền thân là Công ty Du lịch Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh, và được cổ phần hóa theo Quyết định số 328/QĐ-CT ngày 13/04/2006 và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/03/2006 về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty Du lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh.

Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244068 ngày 05 tháng 02 năm 2007 và giấy phép sửa đổi lần thứ 13 ngày 29 tháng 06 năm 2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Mã cổ phiếu: TTT.

Vốn điều lệ của Công ty là 45.702.100.000 VND, tương đương 4.570.210 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 87 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 88 người).

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và cung cấp dịch vụ.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng**

Trong năm, Công ty vẫn tiếp tục thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như kinh doanh nước giải khát, dịch vụ vận chuyển xe điện, dịch vụ giữ xe và dịch vụ dọn vệ sinh cảnh quan khu vực Núi Bà. Trong bối cảnh dịch Covid-19 đã được kiểm soát, kết quả kinh doanh năm 2022 của Công ty đã cải thiện so với năm 2021 mặc dù giá cả nguyên vật liệu, hàng hóa, dịch vụ đầu vào cũng tăng mạnh do ảnh hưởng từ sự biến động của giá dầu thế giới.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin về công ty con của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 5.

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty và Công ty con.

### **2.4 Tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2.5 Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Khoản đầu tư vào công ty con* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- ▶ Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.
- ▶ Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào các công ty con khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.

### **2.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### **2.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền tháng.



Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm tài chính căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.8 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình (TSCĐ) được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành các tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
▶ Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
▶ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
▶ Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
▶ TSCĐ Khác	04 – 08 năm

## **2.9 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
--------------------------	--------

## **2.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## **2.11 Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## **2.12 Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Công cụ và dụng cụ bao gồm tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 06 tháng đến 36 tháng;
- ▶ Chi phí sửa chữa được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 06 tháng đến 24 tháng;
- ▶ Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng đến 36 tháng.



### 2.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### 2.14 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí kiểm toán, chi phí tiền ăn nhân viên, và một số chi phí khác,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 2.15 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

### 2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### 2.17 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và cho vay được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 2.18 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).



## 2.19 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

### *Chi phí thuế TNDN hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### *Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành*

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh.

## 2.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.22 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ chỉ diễn ra tại khu vực Núi Bà tỉnh Tây Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 3. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	537.510.705	100.080.563
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.229.564.556	801.734.532
Các khoản tương đương tiền (i)	9.000.000.000	18.300.000.000
	<u>10.767.075.261</u>	<u>19.201.815.095</u>

(i) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 5% - 6%/năm.

**4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	1.062.000.000	498.488.287
Công ty CP Mặt Trời Tây Ninh - Chi nhánh Sun World Tây Ninh	2.522.049.011	510.729.451
Khác	651.027.099	455.000
	<u>4.235.076.110</u>	<u>1.009.672.738</u>
<b>Trong đó, bên liên quan</b> <i>(Thuyết minh số 29)</i>	<u>475.446.299</u>	-



**Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh**  
Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước,  
Phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

**Báo cáo tài chính riêng**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5. Đầu tư tài chính**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tại ngày 31/12/2022, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng với số tiền 11.000.000.000 VND tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 4,4% - 5,2%/năm.

**b) Đầu tư vào công ty con**

Mã chứng khoán	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	24.931.910.430	-	24.931.910.430	-
	<u>24.931.910.430</u>	<u>-</u>	<u>24.931.910.430</u>	<u>-</u>

**Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2022 như sau:**

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	Núi Bà Đen, khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	51,00%	Dịch vụ vận chuyển du lịch

**6. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Cho vay tổ chức	67.000.000.000	67.000.000.000
	<b>67.000.000.000</b>	<b>67.000.000.000</b>

Khoản cho vay các tổ chức với mục đích bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định pháp luật với thời hạn 06 tháng, lãi suất 6,5% - 7,5%/năm.

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay	1.278.983.561	522.871.234
Khác	15.000.000	7.000.000
	<b>1.293.983.561</b>	<b>529.871.234</b>

**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Hàng hóa	304.959.781	619.099.826
Công cụ, dụng cụ, bao bì	380.727.274	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.844.313.054	-
	<b>2.530.000.109</b>	<b>619.099.826</b>

**9. Chi phí trả trước**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	69.329.955	11.016.000
Chi phí sửa chữa TSCĐ	79.113.845	-
Chi phí khác	68.564.562	6.380.035
	<b>217.008.362</b>	<b>17.396.035</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản	71.052.579	425.694.465
Chi phí khác	98.067.820	40.438.827
	<b>169.120.399</b>	<b>466.133.292</b>



**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2022	6.633.260.216	363.929.265	9.194.172.292	2.741.232.368	31.800.000	18.964.394.141
Mua mới trong năm	-	-	4.058.570.825	-	-	4.058.570.825
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>6.633.260.216</b>	<b>363.929.265</b>	<b>13.252.743.117</b>	<b>2.741.232.368</b>	<b>31.800.000</b>	<b>23.022.964.966</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2022	3.056.247.430	176.056.532	7.146.283.063	2.038.512.377	12.292.023	12.429.391.425
Khấu hao trong năm	967.036.574	22.755.018	1.216.836.464	619.764.631	-	2.826.392.687
Hao mòn tài sản nguồn ngân sách	-	26.477.667	18.753.302	7.115.526	4.106.943	56.453.438
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>4.023.284.004</b>	<b>225.289.217</b>	<b>8.381.872.829</b>	<b>2.665.392.534</b>	<b>16.398.966</b>	<b>15.312.237.550</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2022	3.577.012.786	187.872.733	2.047.889.229	702.719.991	19.507.977	6.535.002.716
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>2.609.976.212</b>	<b>138.640.048</b>	<b>4.870.870.288</b>	<b>75.839.834</b>	<b>15.401.034</b>	<b>7.710.727.416</b>

- ▶ Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 5.122.568.005 VND.
- ▶ Trong số TSCĐ của Công ty có bao gồm các tài sản mua mới từ nguồn thu phí để phục vụ hoạt động thu phí tham quan di tích lịch sử, thắng cảnh núi Bà Đen với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại ngày 31/12/2022 lần lượt là 396.731.998 VND và 141.681.321 VND. Giá trị còn lại của các tài sản này tại ngày 31/12/2022 là 255.050.677 VND được ghi nhận vào Mã số 432 – Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ trên Bảng cân đối kế toán riêng.

**11. Bất động sản đầu tư**

Tại thời điểm 31/12/2022, bất động sản đầu tư là nhà văn phòng cho thuê tại đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Khấu hao trong năm của bất động sản đầu tư là 284.258.735 VND.

Trong năm, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 627.272.728 VND (năm 2021: 340.909.090 VND).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2022. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh**  
Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước,  
Phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

**Báo cáo tài chính riêng**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng Thái Dương	818.227.051	818.227.051	7.116.698.823	7.116.698.823
Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam tại Đồng Nai	3.401.849.340	3.401.849.340	-	-
Công ty CP Ô tô Vũ Linh	1.211.000.000	1.211.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Cây xanh Phú Đạt	1.404.380.000	1.404.380.000	406.600.000	406.600.000
Khác	1.247.137.013	1.247.137.013	979.334.039	979.334.039
	<b>8.082.593.404</b>	<b>8.082.593.404</b>	<b>8.502.632.862</b>	<b>8.502.632.862</b>
<b>Trong đó, bên liên quan</b> (Thuyết minh số 29)	<b>404.069.251</b>	<b>404.069.251</b>	-	-



**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2022		Năm 2022		31/12/2022	
	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.678.525.663	2.658.607.293	-	-	19.918.370
Thuế thu nhập doanh nghiệp	255.920.249	3.002.654.198	719.670.249	-	-	2.538.904.198
Thuế thu nhập cá nhân	6.132.081	315.932.344	314.048.816	-	-	8.015.609
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	130.907.560	187.010.800	56.103.240	-	-
Các loại thuế, phí khác	6.127.327	207.128.857	179.576.427	-	-	33.679.757
	<b>268.179.657</b>	<b>6.335.148.622</b>	<b>4.058.913.585</b>	<b>56.103.240</b>	<b>2.600.517.934</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14. Phải trả khác**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Cổ tức phải trả	235.093.000	215.093.000
Tiền bảo hành Công trình	62.590.475	866.381.551
Kinh phí công đoàn	60.638.969	34.892.905
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	191.231.550
	<b>358.322.444</b>	<b>1.307.599.006</b>
<b>Dài hạn</b>		
Tiền đặt cọc cho thuê văn phòng	100.000.000	100.000.000
	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
<b>Trong đó, bên liên quan</b> (Thuyết minh số 29)	<b>235.093.000</b>	<b>215.093.000</b>

**15. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2021	45.702.100.000	24.537.406.213	40.887.045.769	111.126.551.982
Lợi nhuận năm trước	-	-	7.821.892.959	7.821.892.959
Chia cổ tức năm 2020	-	-	(9.140.420.000)	(9.140.420.000)
Tại ngày 31/12/2021	<b>45.702.100.000</b>	<b>24.537.406.213</b>	<b>39.568.518.728</b>	<b>109.808.024.941</b>
Lợi nhuận năm nay	-	-	15.079.656.794	15.079.656.794
Chia cổ tức năm 2021 (*)	-	-	(9.140.420.000)	(9.140.420.000)
Tại ngày 31/12/2022	<b>45.702.100.000</b>	<b>24.537.406.213</b>	<b>45.507.755.522</b>	<b>115.747.261.735</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 32/2022/NQ-ĐHCĐ/TTT ngày 21/06/2022 Công ty công bố việc chia cổ tức năm 2021 là 9.140.420.000 VND tương ứng tỷ lệ 20% trên vốn điều lệ.

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty CP Địa Cầu	11.197.010.000	24,50%	11.197.010.000	24,50%
Công ty TNHH Olympia	10.968.500.000	24,00%	10.968.500.000	24,00%
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Ánh Dương	10.968.500.000	24,00%	10.968.500.000	24,00%
Các cổ đông khác	12.568.090.000	27,50%	12.568.090.000	27,50%
	<b>45.702.100.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>45.702.100.000</b>	<b>100,00%</b>



**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	45.702.100.000	45.702.100.000
- Vốn góp cuối năm	<u>45.702.100.000</u>	<u>45.702.100.000</u>
<b>Cổ tức:</b>		
- Cổ tức phải trả đầu năm	215.093.000	175.953.000
- Cổ tức phải trả trong năm	9.140.420.000	9.140.420.000
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	9.140.420.000	9.140.420.000
- Cổ tức đã chi trả bằng tiền	9.120.420.000	9.101.280.000
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	9.120.420.000	9.101.280.000
- Cổ tức phải trả cuối năm	<u>235.093.000</u>	<u>215.093.000</u>

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.570.210	4.570.210
- Cổ phiếu phổ thông	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.210	4.570.210
- Cổ phiếu phổ thông	4.570.210	4.570.210

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/ cổ phiếu.

**16. Nguồn kinh phí**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Nguồn kinh phí đầu năm</b>	<b>346.613.224</b>	<b>1.750.284.156</b>
Phí tham quan thu trong năm (i)	-	21.611.408.000
Thu hộ tiền điện, phí khác trong năm	292.300.000	1.139.674.200
Phí tham quan phải nộp ngân sách trong năm	-	(17.289.126.400)
Chi sự nghiệp trong năm	(638.736.027)	(6.865.626.732)
<b>Nguồn kinh phí cuối năm</b>	<b><u>177.197</u></b>	<b><u>346.613.224</u></b>

- (i) Theo Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về việc kéo dài thời hạn thực hiện Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 01/07/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, việc thu phí thăm quan di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh núi Bà Đen tỉnh Tây Ninh sẽ được miễn trong năm 2022.

**17. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động**

**Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký (01) hợp đồng thuê đất số 04/04/HĐTĐ với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh tại đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê 50 năm từ năm 2006. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty còn có hợp đồng thuê tài sản số 04/2022/HDTTS/STN-TTT ngày 01/01/2022 thuê công trình hạ tầng, công trình hiện trạng của bãi gửi xe tại Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen để phục vụ hoạt động kinh doanh, thời hạn thuê đến 31/12/2022.

**18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Hoạt động bán hàng hóa	32.990.119.358	8.218.585.985
Hoạt động cung cấp dịch vụ vận chuyển	6.939.979.461	4.151.218.181
Hoạt động cung cấp dịch vụ giữ xe các loại	8.728.931.936	4.059.887.272
Hoạt động cung cấp dịch vụ dọn vệ sinh, cảnh quan	38.718.732.425	15.191.298.681
Khác	7.341.403.498	4.575.675.619
	<b>94.719.166.678</b>	<b>36.196.665.738</b>
<b>Trong đó, doanh thu với các bên liên quan</b> <i>(Thuyết minh số 29)</i>	<b>11.416.240.359</b>	<b>6.222.243.227</b>

**19. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.207.461.629	589.225.862
Giảm giá hàng bán	5.171.716	172.727.273
	<b>1.212.633.345</b>	<b>761.953.135</b>

**20. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Hoạt động bán hàng hóa	29.625.450.700	6.496.896.498
Hoạt động cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.665.691.990	2.870.932.136
Hoạt động cung cấp dịch vụ giữ xe các loại	6.693.839.205	5.669.746.744
Hoạt động cung cấp dịch vụ dọn vệ sinh, cảnh quan	35.874.330.141	13.621.103.422
Khác	3.425.606.378	1.448.276.311
	<b>78.284.918.414</b>	<b>30.106.955.111</b>
<b>Trong đó, giá vốn với bên liên quan</b> <i>(Thuyết minh số 29)</i>	<b>491.854.597</b>	<b>236.990.693</b>



**21. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	5.536.385.700	6.205.614.825
Cổ tức được chia	3.261.040.000	3.261.040.000
	<b>8.797.425.700</b>	<b>9.466.654.825</b>
<b>Trong đó, doanh thu tài chính từ bên liên quan</b> <i>(Thuyết minh số 29)</i>	<b>3.261.040.000</b>	<b>3.261.040.000</b>

**22. Chi phí bán hàng**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.113.009.931	673.003.541
Chi phí khấu hao TSCĐ	228.815.739	280.095.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.135.122	591.881.674
Chi phí bằng tiền khác	98.768.959	41.541.717
	<b>1.445.729.751</b>	<b>1.586.522.553</b>

**23. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	5.018.926.910	3.890.687.409
Chi phí dịch vụ mua ngoài	602.326.268	1.052.918.558
Chi phí khác	500.312.793	769.424.253
	<b>6.121.565.971</b>	<b>5.713.030.220</b>
<b>Trong đó, chi phí mua từ bên liên quan</b> <i>(Thuyết minh số 29)</i>	<b>44.255.883</b>	<b>13.144.211</b>

**24. Thu nhập khác**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản hỗ trợ bán hàng và trưng bày sản phẩm từ nhà cung cấp	2.256.564.667	1.348.880.000
Khác	112.238.095	473.286.396
	<b>2.368.802.762</b>	<b>1.822.166.396</b>

**25. Chi phí khác**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ trưng bày sản phẩm	738.236.667	309.875.000
Khác	-	411.537.732
	<b>738.236.667</b>	<b>721.412.732</b>

**26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.082.310.992	8.595.613.208
Các khoản điều chỉnh tăng	192.000.000	192.000.000
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>192.000.000</i>	<i>192.000.000</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.261.040.000)	(3.261.040.000)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(3.261.040.000)</i>	<i>(3.261.040.000)</i>
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>15.013.270.992</b>	<b>5.526.573.208</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.002.654.198</b>	<b>1.105.314.642</b>
Giảm 30% thuế Thu nhập doanh nghiệp theo NĐ 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021	-	(331.594.393)
<b>Thuế TNDN phải nộp trong năm</b>	<b>3.002.654.198</b>	<b>773.720.249</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	255.920.249	150.101.400
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(719.670.249)	(667.901.400)
<b>Thuế TNDN còn phải nộp cuối năm</b>	<b>2.538.904.198</b>	<b>255.920.249</b>

**27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, CCDC	19.404.207.922	6.237.700.282
Chi phí nhân công	27.572.761.768	14.517.461.308
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.110.651.422	3.502.894.820
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.378.079.628	6.072.958.909
Chi phí khác bằng tiền	761.062.696	578.596.067
	<b>56.226.763.436</b>	<b>30.909.611.386</b>



**28. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**29. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>11.416.240.359</b>	<b>6.222.243.227</b>
Công ty CP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	Công ty con	11.416.240.359	6.222.243.227
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>536.110.480</b>	<b>250.134.904</b>
Công ty CP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	Công ty con	536.110.480	250.134.904
<b>Chi trả cổ tức</b>		<b>9.120.420.000</b>	<b>9.101.280.000</b>
Các cổ đông	Chủ sở hữu	9.120.420.000	9.101.280.000
<b>Nhận cổ tức</b>		<b>3.261.040.000</b>	<b>3.261.040.000</b>
Công ty CP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	Công ty con	3.261.040.000	3.261.040.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		<b>475.446.299</b>	-
Công ty CP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	Công ty con	475.446.299	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>404.069.251</b>	-
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	Công ty con	404.069.251	-
<b>Phải trả khác</b>		<b>235.093.000</b>	<b>215.093.000</b>
Các cổ đông	Chủ sở hữu	235.093.000	215.093.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bà Nguyễn Lâm Nhi Thùy	536.544.000	536.544.000
Ông Trịnh Văn Hà	72.000.000	72.000.000
Bà Trần Thị Hiền	561.000.000	520.924.256
Phạm Hùng Cường	30.000.000	60.000.000
Nguyễn Huy Cường	30.000.000	-
Ông Nguyễn Đình Tuấn	-	25.000.000
Ông Võ Trần Chí Thịnh	60.000.000	35.000.000
Ông Phan Thanh Trung	48.000.000	48.000.000
Các thành viên Ban kiểm soát	427.200.000	427.200.000
	<b>1.764.744.000</b>	<b>1.724.668.256</b>

**30. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

**31. Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 22 tháng 03 năm 2023.

**Lê Văn Công**  
Người lập

**Trần Thị Phương**  
Kế toán trưởng



**Trần Thị Hiền**  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 22 tháng 03 năm 2023

